

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
*DEO CA TRAFFIC INFRASTRUCTURE
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY*

Số: 25/2024/CBTT-HHV
No: 25/2024/CBTT-HHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness*

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Da Nang, March 29th, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: - *State Security Commission of Vietnam*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
*Name of the organization: DEO CA TRAFFIC INFRASTRUCTURE
INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán: **HHV**
Stock code: HHV

- Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Head Office Address: Km11+500, route leading South of Hai Van tunnel, Hoa Hiep Bac ward, Lien Chieu district, Da Nang city, Vietnam

- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713

- E-mail: info@hhv.com.vn Website: [hhv.com.vn](http://www.hhv.com.vn)

2. **Nội dung thông tin công bố/ Contents of information disclosure:**

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính riêng năm 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023 đã kiểm toán của Công ty.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

Deo Ca Traffic Infrastructure Investment Joint Stock Company respectfully announces the Audited Separate Financial Statements for the year ended December 31st, 2023.

(Detailed content of the Audited Separate Financial Statement attached)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2023>



This information was published on the Company's website on March 29th, 2024, as in the link: <http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2023>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng năm 2023 kết thúc vào ngày 31/12/2023 đã kiểm toán của Công ty.

The Audited Separate Financial Statements for the year ended December 31st, 2023 of HHV.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
Người được UQ CBTT
Kế toán trưởng
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Person authorized to disclose information

Chief Accountant



Nguyễn Văn Ân



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán riêng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

TRANG

01 – 05

06 – 06

07 – 10

11 – 12

13 – 14

15 – 87



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 05/07/2023.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/12/2023 là 329.350.351 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 3.293.503.510.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; hầm đường bộ Đèo cá, Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	70,36%	70,36%	1.124.315.050.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72,09%	72,09%	1.566.373.980.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,32%	99,32%	272.331.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 02 Công ty			
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,21%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	55.620.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	Tầng 16, Tòa nhà văn phòng số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty đã thực hiện thay đổi vốn điều lệ từ 3.293.503.510.000 VND lên 4.116.801.690.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 33 ngày 02/02/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023. Toàn bộ 82.329.818 cổ phiếu chào bán thành công đã được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 107/2015/GCNCP-VSDC-8 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/02/2024, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cấp quyết định về việc thay đổi đăng ký niêm yết ngày 06/03/2024, ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực ngày 08/03/2024.

Từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thực hiện góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với số tiền 108.243.670.000 VND, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn với số tiền 33.509.340.000 VND, Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh với số tiền 7.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Ngày 22/02/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh ngày 10/03/2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	08/08/2019	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	08/08/2019	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Thành viên	24/04/2022	
	Phó Chủ tịch	29/04/2022	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	21/07/2015	
Ông Trần Chũng	Thành viên	17/06/2020	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	01/11/2021	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	17/06/2020	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	24/04/2022	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông Trần Văn Chí	Phó TGD thường trực	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	16/04/2018	
Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Thành viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCs) là đơn vị được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG HUY

Số: 203 /BCKT/TC/2024/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2024 từ trang 07 đến trang 87, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc****Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên**Đặng Tùng Hưng**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.233.182.586.684	887.896.441.449
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		175.967.475.767	117.874.048.252
111	Tiền	V.1	12.953.503.602	62.860.003.473
112	Các khoản tương đương tiền		163.013.972.165	55.014.044.779
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		978.396.559.390	607.950.451.806
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	757.467.332.235	466.162.982.049
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	103.782.194.987	33.422.245.873
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	-	1.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	130.357.578.899	120.575.770.615
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		77.290.414.338	160.745.755.816
141	Hàng tồn kho	V.8	77.290.414.338	160.745.755.816
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.528.137.189	1.326.185.575
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.528.137.189	1.326.185.575

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		3.382.413.874.860	3.473.810.154.569
210	Các khoản phải thu dài hạn		64.844.527.575	224.625.397.531
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	3.094.427.531	3.094.427.531
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	61.750.100.044	221.530.970.000
220	Tài sản cố định		157.692.732.181	99.761.449.382
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	140.934.110.424	99.166.395.728
222	Nguyên giá		229.709.713.749	174.146.767.655
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(88.775.603.325)	(74.980.371.927)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	16.187.449.195	-
225	Nguyên giá		17.714.776.374	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.527.327.179)	-
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	571.172.562	595.053.654
228	Nguyên giá		718.292.634	718.292.634
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(147.120.072)	(123.238.980)
240	Tài sản dở dang dài hạn		170.630.457	13.636.905.417
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	170.630.457	13.636.905.417
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.156.140.030.000	3.132.520.030.000
251	Đầu tư vào công ty con	V.2b	2.963.020.030.000	2.861.020.030.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	177.620.000.000	269.500.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	13.500.000.000	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	2.000.000.000	2.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		3.565.954.647	3.266.372.239
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	3.565.954.647	3.266.372.239
270	TỔNG TÀI SẢN		4.615.596.461.544	4.361.706.596.018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		910.053.064.277	822.811.510.664
310	Nợ ngắn hạn		568.604.243.420	686.691.391.670
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	179.484.852.952	192.638.164.185
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15a	4.619.425.163	111.933.245.928
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	61.438.370.993	38.452.641.616
314	Phải trả người lao động		9.735.570.527	10.890.666.246
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	46.052.413.711	25.498.530.509
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.19	9.698.279.777	76.369.141.645
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	250.303.155.482	228.194.704.822
322	Quý khen thưởng, phúc lợi		6.172.174.815	1.614.296.719
330	Nợ dài hạn		341.448.820.857	136.120.118.994
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15b	289.211.817.160	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.18b	7.764.764.056	8.800.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	44.472.239.641	127.320.118.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.705.543.397.267	3.538.895.085.354
410	Vốn chủ sở hữu	V.21	3.705.543.397.267	3.538.895.085.354
411	Vốn góp của chủ sở hữu		3.293.503.510.000	3.078.044.500.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.293.503.510.000	3.078.044.500.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		(876.900.000)	(537.900.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		8.822.456.079	7.148.483.380
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		404.094.331.188	454.240.001.974
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		232.085.101.179	288.749.732.106
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		172.009.230.009	165.490.269.868
440	TỔNG NGUỒN VỐN		4.615.596.461.544	4.361.706.596.018

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



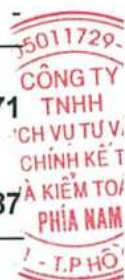
NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm		
		2023 VND	2022 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.465.515.257.075	953.233.198.971
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.465.515.257.075	953.233.198.971
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.209.906.487.277	717.922.859.687
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		255.608.769.798	235.310.339.284
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	21.674.604.153	32.179.666.503
22	Chi phí tài chính	VI.4	25.847.496.177	37.430.439.357
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		25.847.496.177	37.430.439.357
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	35.158.654.431	29.524.336.353
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		216.277.223.343	200.535.230.077
31	Thu nhập khác	VI.6	2.085.863.457	11.991.777
32	Chi phí khác	VI.7	1.641.489.749	25.317.426
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		444.373.708	(13.325.649)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		216.721.597.051	200.521.904.428



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
51	Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	42.804.367.042	33.124.634.560
52	Chi phí thuê TNDN hoãn lại		
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	<u>173.917.230.009</u>	<u>167.397.269.868</u>

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024
 Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT



NGUYỄN VĂN ÂN




NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận kê toán trước thuế	216.721.597.051	200.521.904.428
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	17.186.496.897	9.905.588.890
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(21.654.512.574)	(32.179.666.503)
06	Chi phí lãi vay	25.847.496.177	37.430.439.357
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	238.101.077.551	215.678.266.172
09	Tăng các khoản phải thu	(297.263.275.038)	(90.702.128.354)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	83.455.341.478	(116.686.723.299)
11	Tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	192.411.971.647	54.405.440.844
12	Tăng chi phí trả trước	(501.534.022)	(3.622.523.851)
14	Tiền lãi vay đã trả	(69.192.202.370)	(15.995.736.541)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(34.213.906.403)	(36.138.362.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	112.797.472.843	6.938.231.975
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(28.330.807.775)	(76.001.138.529)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	15.814.973.910	-
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.500.000.000)	-
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.500.000.000	-
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(79.024.000.000)	(164.554.130.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	78.380.000.000	-
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.674.604.153	32.070.187.050
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	9.514.770.288	(208.485.081.479)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023 VND	2022 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	403.873.700.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	522.706.149.824	477.926.519.071
34	Chi trả nợ gốc vay	(581.954.421.884)	(573.980.304.573)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(4.970.543.556)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(64.218.815.616)	307.819.914.498
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	58.093.427.515	106.273.064.994
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.1 117.874.048.252	11.600.983.258
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.1 175.967.475.767	117.874.048.252



Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 05/07/2023.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 3.293.503.510.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, P. Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân; hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, hầm đường bộ Cù Mông, hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty:

Danh sách các Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2023	01.01.2023	31.12.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam	70,36%	68,34%	70,36%	68,34%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	72,09%	72,09%	72,09%	72,09%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,32%	99,47%	99,32%	99,47%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2023	01.01.2023	31.12.2023	01.01.2023
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	2,11%	21,95%	2,11%	21,95%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Tầng 16, tòa nhà số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy -TP Hà Nội, Việt Nam	47,21%	47,21%	50,00%	50,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 11, Tòa nhà văn phòng Thăng Long tại 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:

i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNDKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

- + Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
- + Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 24 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2023 là: 1.597.847.400.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2022.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

- + Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 5 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 21 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2023 là: 2.172.792.730.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/09/2023.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 06/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 17/07/2019; Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 10 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2023 là: 274.186.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/05/2022.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tầm suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)	
Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000 VND
+ Vốn vay:	2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 13 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2023 là: 305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn
Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.
Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tầm suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)	
Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2023 là: 176.000.000.000 VND



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hoà, Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	Tầng 16, Tòa nhà văn phòng số 265 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.073 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.285 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong năm.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

- Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính (tiếp theo)**

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hợp đồng xây lắp

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****d) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

e) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

f) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**24. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

25. Công cụ tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phần ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Tiền mặt	1.028.979.965	3.013.248.224
Tiền gửi ngân hàng	11.924.523.637	59.846.755.249
Các khoản tương đương tiền	163.013.972.165	55.014.044.779
Cộng	175.967.475.767	117.874.048.252

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

	31.12.2023			01.01.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	2.963.020.030.000	-	-	2.861.020.030.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.566.373.980.000	-	-	1.566.373.980.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn (1)	1.124.315.050.000	-	-	1.022.315.050.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	272.331.000.000	-	-	272.331.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	177.620.000.000	-	-	269.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (2)	55.620.000.000	-	-	134.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (3)	-	-	-	13.500.000.000	-	-
Cộng	3.140.640.030.000	-	-	3.130.520.030.000	-	-

(1) Theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 20/06/2022, HĐQT đã thông qua phương án chi tiết chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn với số tiền 102.000.000.000 VND.

(2) Theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/01/2023, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 424.000.000.000 VND xuống 176.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 9 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 05/04/2023.

(3) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 640.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 33/2023/NQ-HĐQT ngày 21/12/2023 và đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 25/12/2023. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam hiện nay là 2,11%.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09a-DN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

c) Đầu tư vào công ty khác

	31.12.2023			01.01.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.500.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	13.500.000.000	-	-	-	-	-

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	657.330.308.317	425.436.098.271
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	314.581.950.947	204.674.011.147
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	130.984.526.628	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	70.600.560.453	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	51.687.063.348	116.695.539.018
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	30.994.431.120	37.201.806.556
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	28.505.057.107	31.279.173.157
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	14.585.800.932	22.098.459.698
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	13.918.316.295	13.361.179.695
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả	1.470.201.487	125.929.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.400.000	-
Bên thứ ba	100.137.023.918	40.726.883.778
Ban Quản lý dự án 2	61.415.375.434	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Cục Quản lý đường bộ III	4.144.842.000	7.058.251.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	3.399.652.533
Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	2.384.463.000	-
Đối tượng khác	18.550.782.046	20.027.071.340
Cộng	757.467.332.235	466.162.982.049

b) Phải thu khách hàng dài hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.094.427.531	3.094.427.531
Cộng	3.094.427.531	3.094.427.531



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên thứ ba	103.782.194.987	33.422.245.873
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công Nghiệp	29.420.534.767	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Bất động sản Á Châu	14.008.765.873	
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	13.862.983.101	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	9.321.979.651	
Công ty TNHH Khánh Sơn	6.120.456.775	
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Đức Nhi	6.094.699.854	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Tân Hoàng Long	5.265.564.578	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	2.186.042.980	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiển Vĩnh	1.779.693.752	12.679.038.198
Đối tượng khác	15.721.473.656	20.743.207.675
Cộng	103.782.194.987	33.422.245.873

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC****a) Ngắn hạn**

	31.12.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	12.355.477.623	-	2.490.382.232	-
Ký cược, ký quỹ	1.261.669.373	-	100.000.000	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên thứ ba	1.161.669.373	-	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	687.819.373	-	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	-	-
Phải thu về vốn góp	79.024.000.000	-	102.000.000.000	-
Bên liên quan	79.024.000.000	-	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	57.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	12.300.000.000	-	102.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	9.724.000.000	-	-	-
Các khoản khác	37.716.431.903	873.033.836	15.985.388.383	873.033.836
Bên liên quan	35.453.205.808	-	14.902.881.669	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	18.125.128.566	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	14.881.361.082	-	14.881.361.082	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hào	2.446.716.160	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	-	21.520.587	-
Bên thứ ba	2.263.226.095	873.033.836	1.082.506.714	873.033.836
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
Đối tượng khác	1.425.408.095	35.215.836	244.688.714	35.215.836
Cộng	130.357.578.899	873.033.836	120.575.770.615	873.033.836

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	31.12.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hợp tác kinh doanh	61.750.100.044	-	221.530.970.000	-
Bên liên quan	61.750.100.044	-	221.530.970.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (*)	61.750.100.044	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	-	221.530.970.000	-
Cộng	61.750.100.044	-	221.530.970.000	-

(*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**7. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.12.2023			01.01.2023		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31.12.2023		01.01.2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	59.003.359.811	-	148.953.796.014	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.973.383.568	-	11.608.229.851	-
Công cụ, dụng cụ	313.670.959	-	183.729.951	-
Cộng	77.290.414.338	-	160.745.755.816	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	723.302.149	319.930.406
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	163.415.231	207.302.703
Các khoản khác	641.419.809	798.952.466
Cộng	1.528.137.189	1.326.185.575

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	107.663.047	3.376.670
Các khoản khác	3.458.291.600	3.262.995.569
Cộng	3.565.954.647	3.266.372.239

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	40.396.763.539	58.191.295.653	74.923.642.198	635.066.265	174.146.767.655
Số tăng trong năm	34.560.452.467	23.420.165.963	18.165.873.651	156.236.363	76.302.728.444
Mua trong năm	-	23.420.165.963	18.165.873.651	156.236.363	41.742.275.977
Đầu tư XDCB hoàn thành	34.560.452.467	-	-	-	34.560.452.467
Số giảm trong năm	960.000.000	6.104.518.518	13.635.200.196	40.063.636	20.739.782.350
Thanh lý, nhượng bán	960.000.000	6.104.518.518	13.635.200.196	40.063.636	20.739.782.350
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	73.997.216.006	75.506.943.098	79.454.315.653	751.238.992	229.709.713.749
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	12.847.784.627	15.762.764.355	45.745.587.321	624.235.624	74.980.371.927
Số tăng trong năm	2.190.503.894	8.357.285.019	5.040.944.831	46.554.882	15.635.288.626
Khấu hao trong năm	2.190.503.894	8.357.285.019	5.040.944.831	46.554.882	15.635.288.626
Số giảm trong năm	80.000.000	256.795.782	1.498.809.930	4.451.516	1.840.057.228
Thanh lý, nhượng bán	80.000.000	256.795.782	1.498.809.930	4.451.516	1.840.057.228
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.958.288.521	23.863.253.592	49.287.722.222	666.338.990	88.775.603.325
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	27.548.978.912	42.428.531.298	29.178.054.877	10.830.641	99.166.395.728
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	59.038.927.485	51.643.689.506	30.166.593.431	84.900.002	140.934.110.424

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

77.728.231.243 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

45.181.359.409 VND



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIA			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Số tăng trong năm	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
Thuê trong năm	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
Số giảm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
GIA TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Số tăng trong năm	563.962.545	963.364.634	1.527.327.179
Tăng trong năm	563.962.545	963.364.634	1.527.327.179
Số giảm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	563.962.545	963.364.634	1.527.327.179
GIA TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.354.219.273	10.833.229.922	16.187.449.195

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 0 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phân mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	618.292.634	100.000.000	718.292.634
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	618.292.634	100.000.000	718.292.634
GIA TRỊ HAO MÓN LUY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	77.322.313	45.916.667	123.238.980
Khấu hao trong năm	12.881.088	11.000.004	23.881.092
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	90.203.401	56.916.671	147.120.072
GIA TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2023	540.970.321	54.083.333	595.053.654
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	528.089.233	43.083.329	571.172.562

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 528.089.233 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	170.630.457	13.636.905.417
Cộng	170.630.457	13.636.905.417

(*) Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Trung tâm huấn luyện thực hành	-	13.636.905.417
Hệ thống phòng cháy chữa cháy	93.357.730	-
Trạm trung chuyển	77.272.727	-
Cộng	170.630.457	13.636.905.417

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31.12.2023		01.01.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	82.514.797.591	82.514.797.591	91.361.536.285	91.361.536.285
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	32.283.191.731	32.283.191.731	55.299.626.991	55.299.626.991
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	17.246.558.025	17.246.558.025	7.032.383.015	7.032.383.015
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	13.543.989.995	13.543.989.995	9.660.979.849	9.660.979.849
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	11.275.867.556	11.275.867.556	15.514.580.146	15.514.580.146
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	8.165.190.284	8.165.190.284	3.853.966.284	3.853.966.284
Bên thứ ba	96.970.055.361	96.970.055.361	101.276.627.900	101.276.627.900
Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Trí Nam	14.251.710.240	14.251.710.240	17.814.637.800	17.814.637.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Asphalt	12.816.985.996	12.816.985.996	7.351.840.089	7.351.840.089
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	4.978.551.712	4.978.551.712	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Huy Thiên Phú	4.115.406.000	4.115.406.000	-	-
Đối tượng khác	60.807.401.413	60.807.401.413	76.110.150.011	76.110.150.011
Cộng	179.484.852.952	179.484.852.952	192.638.164.185	192.638.164.185



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên liên quan	-	73.032.991.055
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	73.032.991.055
Bên thứ ba	4.619.425.163	38.900.254.873
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	-	31.662.067.026
Đối tượng khác	648.597.867	3.267.360.551
Cộng	4.619.425.163	111.933.245.928

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Bên thứ ba	289.211.817.160	-
Ban Quản lý dự án 2 (*)	248.163.537.782	-
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (**)	41.048.279.378	-
	289.211.817.160	-

(*) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án 2 thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng Công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

(**) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng thi công dự án đường ven biển nối cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

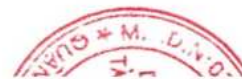
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01.01.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.12.2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.213.906.403	42.804.367.042	34.213.906.403	42.804.367.042
Thuế giá trị gia tăng	4.041.209.823	38.242.804.883	23.719.257.170	18.564.757.536
Thuế thu nhập cá nhân	197.525.390	1.066.912.749	1.195.191.724	69.246.415
Thuế tài nguyên	-	2.376.205.563	2.376.205.563	-
Thuế khác	-	1.250.798.288	1.250.798.288	-
Cộng	38.452.641.616	85.741.088.525	62.755.359.148	61.438.370.993

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	44.358.461.163	24.590.248.324
Trích trước chi phí vận hành Hầm, thu phí	1.283.793.960	653.353.871
Trích trước chi phí lãi vay	410.158.588	254.928.314
Cộng	46.052.413.711	25.498.530.509

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Doanh thu nhận trước	7.700.000.000	8.800.000.000
Khác	64.764.056	-
Cộng	7.764.764.056	8.800.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
Kinh phí công đoàn	1.642.104.226	1.949.088.664
Tạm ứng	276.403.425	414.342.117
Các khoản khác	7.779.772.126	74.005.710.864
Bên liên quan	-	47.912.104.711
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	26.298.646.606
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	21.613.458.105
Bên thứ ba	7.779.772.126	26.093.606.153
Công ty France Emulsion	1.606.087.366	1.606.087.366
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	18.650.350.455
Đối tượng khác	6.173.684.760	5.837.168.332
Cộng	9.698.279.777	76.369.141.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31.12.2023 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2023 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
Bên liên quan	-		-	55.036.895.603	55.036.895.603
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-		-	55.036.895.603	55.036.895.603
Bên thứ ba	250.303.155.482	12.866.650.568	464.756.252.489	400.477.556.794	173.157.809.219
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Đà Nẵng	179.140.496.840	952.381.256	319.945.590.380	254.077.875.847	112.320.401.051
Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Hà Nội	53.085.514.343	4.639.182.564	134.227.813.621	143.778.004.513	57.996.522.671
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	8.035.283.996	-	10.582.848.488	2.547.564.492	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	3.780.000.000	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.772.608.776	1.772.608.776	-	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust CN Đà Nẵng	1.722.477.972	1.722.477.972	-	-	-
Cán bộ, công nhân viên	2.766.773.555		-	74.111.942	2.840.885.497
Cộng	250.303.155.482	12.866.650.568	464.756.252.489	455.514.452.397	228.194.704.822

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng	Số dư nợ vay	Ngày đáo hạn	Bên cho vay
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	12.866.650.568	Năm 2024	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31.12.2023 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2023 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	44.472.239.641	57.949.897.335	127.931.126.120		127.320.118.994
Bên liên quan	-	14.950.000.000	73.061.400.000	-	58.111.400.000
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	-	-	58.111.400.000		58.111.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	-	14.950.000.000	14.950.000.000		-
Bên thứ ba	44.472.239.641	42.999.897.335	54.869.726.120	12.866.650.568	69.208.718.994
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	15.930.353.866	-	4.639.182.564	4.639.182.564	25.208.718.994
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam_CN Nam Hà Nội	13.895.000.000	18.935.000.000	1.260.000.000	3.780.000.000	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST CN Đà Nẵng	5.933.377.109	9.477.000.000	1.821.144.919	1.722.477.972	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.903.983.636	9.825.991.049	3.149.398.637	1.772.608.776	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	3.809.525.030	4.761.906.286	-	952.381.256	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	44.000.000.000	-	44.000.000.000
Cộng	44.472.239.641	57.949.897.335	127.931.126.120	12.866.650.568	127.320.118.994

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	31.12.2023			31.12.2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
Trên 1 năm đến 5 năm	5.956.685.722	986.142.166	4.970.543.556	-	-	-
Bên thứ ba						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.778.648.032	629.249.395	3.149.398.637	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST CN Đà Nẵng	2.178.037.690	356.892.771	1.821.144.919	-	-	-
Cộng	5.956.685.722	986.142.166	4.970.543.556	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

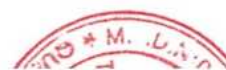
B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo trên từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo trên từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	1.000.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 12 tháng	Theo trên từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	450.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo trên từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.
5	Vay cán bộ công nhân viên Công ty	Không giới hạn	Từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc hợp đồng	Lãi suất trả bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Công ty đang giao dịch	Tín chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo từng hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.825.991.049	60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2022	2.673.840.900.000	(208.000.000)	4.851.321.687	291.046.893.799	2.969.531.115.486
Tăng vốn trong năm	404.203.600.000	(329.900.000)	-	-	403.873.700.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	167.397.269.868	167.397.269.868
Trả thù lao cho HĐQT & BKS	-	-	-	(1.907.000.000)	(1.907.000.000)
Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	2.297.161.693	(2.297.161.693)	-
Tại ngày 31.12.2022	3.078.044.500.000	(537.900.000)	7.148.483.380	454.240.001.974	3.538.895.085.354
Tại ngày 01.01.2023	3.078.044.500.000	(537.900.000)	7.148.483.380	454.240.001.974	3.538.895.085.354
Tăng vốn trong năm	-	(339.000.000)	-	-	(339.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	173.917.230.009	173.917.230.009
Trả thù lao cho HĐQT & BKS (1)	-	-	-	(1.908.000.000)	(1.908.000.000)
Trích quỹ Đầu tư phát triển (2)	-	-	1.673.972.699	(1.673.972.699)	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (3)	-	-	-	(5.021.918.096)	(5.021.918.096)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (4)	215.459.010.000	-	-	(215.459.010.000)	-
Tại ngày 31.12.2023	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	404.094.331.188	3.705.543.397.267

(1) Theo nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao HĐQT & BKS.

(2) Theo nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ ĐTPT với số tiền là 1.673.972.699 VND.

(3) Theo nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 5.021.918.096 VND.

(4) Theo nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2023, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu. Kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022 là vốn điều lệ tăng từ 3.078.044.500.000 VND lên 3.293.503.510.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2023 VND	%	01.01.2023 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	40.545.020.000	1,23%	37.892.550.000	1,23%
Hồ Minh Hoàng	19.260.000.000	0,58%	18.000.000.000	0,58%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	662.330.000.000	20,11%	1.036.662.500.000	33,68%
Vốn góp của các đối tượng khác	2.571.368.490.000	78,08%	1.985.489.450.000	64,51%
Cộng	3.293.503.510.000	100,00%	3.078.044.500.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1,23%	1,23%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	20,06%	20,11%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	20,06%	20,11%
Cộng	21,29%	21,34%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 21,34%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội đồng quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.078.044.500.000	2.673.840.900.000
- Vốn góp tăng trong năm	215.459.010.000	404.203.600.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	3.293.503.510.000	3.078.044.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	215.459.010.000	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31.12.2023 Cổ phiếu	01.01.2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.350.351	307.804.450
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.350.351	307.804.450
- Cổ phiếu phổ thông	329.350.351	307.804.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.350.351	307.804.450
- Cổ phiếu phổ thông	329.350.351	307.804.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.465.515.257.075	953.233.198.971
Doanh thu xây lắp	1.108.529.335.122	536.498.691.178
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	298.396.668.923	319.149.947.284
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	22.951.163.676	73.032.256.557
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	20.915.838.636	17.921.779.967
Doanh thu khác	14.722.250.718	6.630.523.985
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	1.465.515.257.075	953.233.198.971
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	1.200.814.214.593	567.262.814.714
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	280.939.401.196	307.775.869.506
Doanh thu xây lắp	890.912.859.517	185.819.624.118
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	22.951.163.676	72.003.764.325
Doanh thu khác	6.010.790.204	1.663.556.765



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Giá vốn xây lắp	1.011.992.698.604	485.669.221.583
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	156.693.926.942	161.985.265.616
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	20.491.050.850	54.015.508.532
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	15.848.673.071	14.846.699.243
Giá vốn khác	4.880.137.810	1.406.164.713
Cộng	1.209.906.487.277	717.922.859.687

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.369.844.324	1.705.603.791
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.191.643.351	30.474.062.712
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	9.113.116.478	-
Cộng	21.674.604.153	32.179.666.503

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền vay	25.847.496.177	37.430.439.357
Cộng	25.847.496.177	37.430.439.357

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính	
	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.010.113.972	14.410.037.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.505.119.967	2.598.150.836
Chi phí khấu hao	823.396.104	491.542.330
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	57.634.468
Thuế, phí, lệ phí	5.770.000	4.000.000
Các khoản chi phí khác	11.814.254.388	11.962.971.221
Cộng	35.158.654.431	29.524.336.353

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính	
	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023	2022
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	2.013.732.767	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.629.630	-
Các khoản khác	67.501.060	11.991.777
Cộng	2.085.863.457	11.991.777

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính	
	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023	2022
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	1.406.114.063	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.091.579	-
Các khoản khác	215.284.107	25.317.426
Cộng	1.641.489.749	25.317.426

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	514.619.653.577	431.128.918.526
Chi phí nhân công	322.486.702.801	274.910.987.499
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.178.475.399	42.789.589.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.186.496.897	9.905.588.890
Chi phí khác bằng tiền	256.306.683.104	99.235.719.756
Cộng	1.155.778.011.778	857.970.803.877

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	42.769.236.989	33.084.263.600
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	35.130.053	40.370.960
Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.804.367.042	33.124.634.560

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai:** Không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:** Không có.
- Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	522.706.149.824	477.926.519.071

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**4. Số tiền thực trả gốc trong năm**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2023 VND	2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	586.924.965.440	573.980.304.573

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** Không có
- Thông tin về các bên liên quan:** Xem phụ lục 1
- Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Công ty đã thực hiện thay đổi vốn điều lệ từ 3.293.503.510.000 VND lên 4.116.801.690.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 33 ngày 02/02/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023. Toàn bộ 82.329.818 cổ phiếu chào bán thành công đã được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 107/2015/GCNCP-VSDC-8 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/02/2024, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cấp quyết định về việc thay đổi đăng ký niêm yết ngày 06/03/2024, ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực ngày 08/03/2024.

Từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng cho đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thực hiện góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với số tiền 108.243.670.000 VND, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn với số tiền 33.509.340.000 VND, Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh với số tiền 7.500.000.000 VND.

Ngày 22/02/2024, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh ngày 10/03/2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	Năm 2022					Tổng cộng VND
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm VND	Hoạt động khác VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.032.256.557	536.498.691.178	17.921.779.967	319.149.947.284	6.630.523.985	953.233.198.971
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.032.256.557	536.498.691.178	17.921.779.967	319.149.947.284	6.630.523.985	953.233.198.971
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.016.748.025	50.829.469.595	3.075.080.724	157.164.681.668	5.224.359.272	235.310.339.284
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(29.524.336.353)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						205.786.002.931
Doanh thu hoạt động tài chính						32.179.666.503
Chi phí tài chính						(37.430.439.357)
Thu nhập khác						11.991.777
Chi phí khác						(25.317.426)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(33.124.634.560)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						167.397.269.868
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(76.001.138.529)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(9.905.588.890)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Năm 2023					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động duy tu bảo dưỡng, hầm VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	22.951.163.676	1.108.529.335.122	20.915.838.636	298.396.668.923	14.722.250.718	1.465.515.257.075
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.951.163.676	1.108.529.335.122	20.915.838.636	298.396.668.923	14.722.250.718	1.465.515.257.075
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.460.112.826	96.536.636.518	5.067.165.565	141.702.741.981	9.842.112.908	255.608.769.798
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(35.158.654.431)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						220.450.115.367
Doanh thu hoạt động tài chính						21.674.604.153
Chi phí tài chính						(25.847.496.177)
Thu nhập khác						2.085.863.457
Chi phí khác						(1.641.489.749)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(42.804.367.042)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						173.917.230.009
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(28.330.807.775)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(17.186.496.897)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

01.01.2023	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Vận hành, bảo dưỡng Hầm VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	429.060.713	349.826.188.101	332.576.786.637	12.885.790.212	399.279.658.288	1.094.997.483.951
Tài sản không phân bổ						3.266.709.112.067
Tổng tài sản	429.060.713	349.826.188.101	332.576.786.637	12.885.790.212	399.279.658.288	4.361.706.596.018
Nợ phải trả bộ phận	-	290.306.076.197	37.041.810.480	-	12.634.387.832	339.982.274.509
Nợ phải trả không phân bổ						482.829.236.155
Tổng nợ phải trả	-	290.306.076.197	37.041.810.480	-	12.634.387.832	822.811.510.664



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):**

31.12.2023	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Vận hành, bảo dưỡng Hầm VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	-	689.695.407.988	308.525.151.240	8.794.567.958	215.468.224.284	1.222.483.351.470
Tài sản không phân bổ						3.393.113.110.074
Tổng tài sản	-	689.695.407.988	308.525.151.240	8.794.567.958	215.468.224.284	4.615.596.461.544
Nợ phải trả bộ phận	-	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	239.021.455.882
Nợ phải trả không phân bổ						671.031.608.395
Tổng nợ phải trả	-	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	910.053.064.277



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý:**

Năm 2022	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú Yên Khánh Hòa VND	Bắc Giang Lạng Sơn VND	Tiền Giang VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	140.417.533.165	39.992.171.130	604.826.511.582	60.787.403.437	107.209.579.657	953.233.198.971
Tài sản bộ phận						4.361.706.596.018
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(76.001.138.529)
Năm 2023	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú yên, Khánh Hòa, Bình Định VND	Bắc Giang Lạng Sơn VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	197.954.791.392	32.441.142.363	899.870.913.533	13.373.697.054	321.874.712.733	1.465.515.257.075
Tài sản bộ phận						4.615.596.461.544
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(28.330.807.775)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

B 09a - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2023		01.01.2023		31.12.2023	01.01.2023
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.967.475.767	-	117.874.048.252	-	175.967.475.767	117.874.048.252
Phải thu khách hàng	760.561.759.766	(11.035.892.482)	469.257.409.580	(11.035.892.482)	749.525.867.284	458.221.517.098
Trả trước cho người bán	103.782.194.987	(1.301.620.413)	33.422.245.873	(1.301.620.413)	102.480.574.574	32.120.625.460
Các khoản phải thu khác	192.107.678.943	(873.033.836)	342.106.740.615	(873.033.836)	191.234.645.107	341.233.706.779
Đầu tư tài chính dài hạn	3.156.140.030.000	-	3.132.520.030.000	-	3.156.140.030.000	3.132.520.030.000
Cộng	4.388.559.139.463	(13.210.546.731)	4.095.180.474.320	(13.210.546.731)	4.375.348.592.732	4.081.969.927.589



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2023		01.01.2023		31.12.2023	01.01.2023
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	179.484.852.952	-	192.638.164.185	-	179.484.852.952	192.638.164.185
Người mua trả tiền trước	293.831.242.323	-	111.933.245.928	-	293.831.242.323	111.933.245.928
Vay và nợ	294.775.395.123	-	355.514.823.816	-	294.775.395.123	355.514.823.816
Phải trả người lao động	9.735.570.527	-	10.890.666.246	-	9.735.570.527	10.890.666.246
Các khoản phải trả khác	9.698.279.777	-	76.369.141.645	-	9.698.279.777	76.369.141.645
Cộng	787.525.340.702	-	747.346.041.820	-	787.525.340.702	747.346.041.820

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

a) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Phải trả cho người bán	179.484.852.952	-	-	179.484.852.952
Người mua trả tiền trước	4.619.425.163	289.211.817.160	-	293.831.242.323
Vay và nợ	250.303.155.482	69.730.557.611	-	320.033.713.093
Chi phí phải trả	46.052.413.711	-	-	46.052.413.711
Các khoản phải trả phải nộp khác	81.972.221.297	2.264.764.056	5.500.000.000	89.736.985.353
Cộng	562.432.068.605	361.207.138.827	5.500.000.000	929.139.207.432

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2024

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN VĂN ÂN



NGUYỄN QUANG HUY

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh

- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.

- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023	2022
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		2.088.000.000	2.087.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	240.000.000	163.000.000
Trần Văn Thế	Phó chủ tịch HĐQT	-	76.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Trần Chung	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hà Huy Hùng	Thành viên độc lập HĐQT	-	57.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	123.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Cam Thị Minh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000
Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan: (tiếp theo)

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2023	2022
		VND	VND
Tiền lương		4.074.166.667	3.891.286.232
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	910.000.000	910.000.000
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	715.000.000	636.286.232
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	520.000.000	520.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	455.000.000	410.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	509.166.667	450.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	455.000.000	455.000.000
Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	510.000.000	510.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty TNHH Đèo Cả Capital
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường
Sài Gòn - Phú Yên
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc
Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai
Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT
Công ty con của công ty mẹ
Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Công ty con của Công ty mẹ
Công ty có liên quan của Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Công ty con của Công ty mẹ
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang đến ngày 16/10/2023
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022
Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang.
Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang từ ngày 30/06/2023
Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thư trưởng trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	70,36%	70,36%	71.489.441.704	124.103.468.882
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72,09%	72,09%	70.373.864.182	(270.769.574.808)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,32%	99,32%	21.101.307.241	21.628.112.167

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,21%	50,00%	100.991.166.125	376.165.362.957
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(2.235.039.527)	1.300.443.534



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	13.373.697.054	60.787.403.437
		Góp vốn	102.000.000.000	120.011.400.000
		Đặt cọc góp vốn	12.300.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	312.912.450.621	252.192.045.385
		Đặt cọc góp vốn	57.000.000.000	80.342.730.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	26.329.487.077	29.777.157.240
		Nhận cổ tức	5.191.643.351	30.474.062.712
		Đặt cọc góp vốn	9.724.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Công ty con của Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.444.444	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	57.157.051.557	22.067.076.702
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.564.508.030	20.276.043.989

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	510.194.003.029	83.256.826.074
		Mua hàng hóa, dịch vụ	77.931.724.929	68.932.268.995
		Chi phí lãi vay	635.545.500	4.195.368.235
		Trả tiền vay	69.986.895.603	51.995.000.000
		Trả tiền lãi vay	27.639.540.763	-
		Nhận tiền vay	14.950.000.000	70.300.000.000
		Thu nhập khác	2.866.425.049	-
		Thu lại tiền hợp tác kinh doanh	221.530.970.000	-
		Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	9.113.116.478	-
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Chi phí lãi vay	2.029.294.948	10.125.677.282
		Trả tiền vay	58.111.400.000	69.288.600.000
		Trả tiền lãi vay	23.642.753.053	-
		Góp vốn	-	358.831.250.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z	Công ty có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai đến ngày 19/4/2022	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	95.454.546

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	78.380.000.000	-
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Công ty con của Công ty mẹ	Mua hàng hóa, dịch vụ	25.157.351.185	27.149.203.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT, TGD Nguyễn Quang Huy đến ngày 24/03/2022	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	106.363.638
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang đến ngày 16/10/2023	Bán hàng hóa, dịch vụ	9.436.942.812	30.196.388.355

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.815.527.267	2.397.510.718
		Mua hàng hóa, dịch vụ	9.271.374.546	-
		Thu nhập khác từ thanh lý công cụ dụng cụ	147.371.354	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng	Bán hàng hóa, dịch vụ	24.467.907.817	88.177.621.332
		Mua hàng hóa, dịch vụ	49.453.166.743	61.051.931.885
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	297.715.246.442	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	60.000.000.000	-
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	1.750.100.044	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang từ ngày 30/06/2023	Chi phí lãi vay	1.511.232.876	-
		Trả tiền vay	44.000.000.000	-
		Trả tiền lãi vay	20.161.583.331	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHAI THU KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN			657.330.308.317	425.436.098.271
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Cộng	10.929.722.857 13.788.447.750 3.786.886.500 28.505.057.107	12.094.080.657 15.398.206.000 3.786.886.500 31.279.173.157
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Dịch vụ khác Cộng	173.789.472.952 20.895.268.405 118.932.133.320 965.076.270 314.581.950.947	95.000.558.951 14.065.549.005 94.642.826.921 965.076.270 204.674.011.147
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Vận hành trạm thu phí Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	530.590.760 1.535.266.630 28.928.573.730 30.994.431.120	567.089.100 11.543.277.726 25.091.439.730 37.201.806.556

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHAI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Công ty con của Công ty mẹ	Dịch vụ khác Cộng	2.400.000 2.400.000	- -
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp Cộng	130.984.526.628 130.984.526.628	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Thành viên Ban kiểm soát Phan Thị Mai	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Trung tu hầm, đường Thi công xây lắp Vận hành các trạm thu phí Cộng	1.371.715.400 7.746.163.495 1.153.372.000 3.647.065.400 13.918.316.295	3.520.876.000 5.241.465.095 - 4.598.838.600 13.361.179.695



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Môi quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHAI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Thi công xây lắp Cộng	1.470.201.487 1.470.201.487	125.929.000 125.929.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang đến ngày 16/10/2023	Thuê xe Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	388.363.635 14.197.437.297 14.585.800.932	388.363.635 21.710.096.063 22.098.459.698
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng	Thi công xây lắp Cộng	51.687.063.348 51.687.063.348	116.695.539.018 116.695.539.018
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Cộng	70.600.560.453 70.600.560.453	- -

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC			114.577.205.808	117.002.881.669
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	12.300.000.000 12.300.000.000	102.000.000.000 102.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bảo hành các công trình xây lắp Đặt cọc góp vốn Cộng	14.881.361.082 57.000.000.000 71.881.361.082	14.881.361.082 - 14.881.361.082
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác Cộng	100.000.000 18.125.128.566 18.225.128.566	100.000.000 100.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	9.724.000.000 9.724.000.000	- -
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng	Phải thu khác Cộng	- -	21.520.587 21.520.587
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác Cộng	2.446.716.160 2.446.716.160	- -

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09a-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023	01.01.2023
			VND	VND
PHẢI TRÁ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN			82.514.797.591	91.361.536.285
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Công ty con của Công ty mẹ	Mua vật tư	13.543.989.995	9.660.979.849
		Cộng	13.543.989.995	9.660.979.849
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền vé máy bay	325.434.366	2.225.900.836
		Cung cấp công nghệ thông tin	684.395.250	3.919.434.750
		Mua công cụ dụng cụ, tài sản	-	558.936.253
		Mua vật tư	31.273.362.115	37.782.586.521
		Mua đồng phục	-	3.765.389.805
		Chi phí đào tạo thạc sĩ	-	580.000.000
		Phải trả khác	-	6.467.378.826
		Cộng	32.283.191.731	55.299.626.991
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Công ty con của Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	11.275.867.556	15.514.580.146
		Cộng	11.275.867.556	15.514.580.146



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ Cộng	8.165.190.284 8.165.190.284	3.853.966.284 3.853.966.284
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng	Cung cấp dịch vụ Cộng	17.246.558.025 17.246.558.025	7.032.383.015 7.032.383.015

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Môi quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÃN HẠN			-	73.032.991.055
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Ứng trước thi công xây lắp	-	73.032.991.055
PHẢI TRẢ NGÃN HẠN KHÁC			-	47.912.104.711
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền lãi vay Phải trả khác	-	27.003.995.263 (705.348.657)
Cộng			-	26.298.646.606
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Tiền lãi vay	-	21.613.458.105
Cộng			-	21.613.458.105
VAY VÀ NỢ THUẾ TẠI CHÍNH NGÃN HẠN			-	55.036.895.603
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	55.036.895.603
Cộng			-	55.036.895.603

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2023 VND	01.01.2023 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công xây lắp	3.094.427.531	3.094.427.531
		Cộng	3.094.427.531	3.094.427.531
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			61.750.100.044	221.530.970.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
		Cộng	-	221.530.970.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh	61.750.100.044	-
		Cộng	61.750.100.044	-
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN			-	58.111.400.000
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Vay dài hạn	-	58.111.400.000
		Cộng	-	58.111.400.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan